TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỚI LAI** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 184/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 28-7-2020
V/v tranh chấp: "*Ly hôn giữa bà M và ông V*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI LAI – THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thụy Đang Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bạch Văn Em

2. Ông Lê Hoàng Long

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Tưởng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Lai.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Lai tham gia phiên tòa*:** ông Phạm Hoài Hận - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 133/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2020 về tranh chấp "*ly hôn và nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 139/2020/QĐXX-ST ngày 08 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà **Trần Thị M**, sinh năm 1969 (có mặt)

Địa chỉ: ấp Thới Thanh B, xã Trường Xuân B, huyện Thới Lai, TP Cần Thơ.

Bị đơn: ông **Huỳnh Thanh V**, sinh năm 1972 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Thới Thanh B, xã Trường Xuân B, huyện Thới Lai, TP Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn bà Trần Thị M trình bày: qua mai mối, bà và ông Huỳnh Thanh V kết hôn vào năm 1992, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trường Xuân B, huyện Thới Lai vào năm 2016. Trong quá trình sống chung thì bà và ông V phát sinh mâu thuẫn do ông V thường hay uống rượu, khi có rượu thì ông V lại vô cớ đánh đập bà nhiều lần gây thương tích. Dù đã cố gắng chịu đựng để xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng ông V vẫn không thay đổi tính tình, vẫn nhiều lần bạo hành, hành hung bà gây thương tích. Nay thấy hôn nhân không hạnh phúc bà yêu cầu được ly hôn với ông V.

Về con chung: bà và ông V có 05 con chung là Huỳnh Hoàng Mi, sinh năm 1993 (đã trưởng thành), Huỳnh Văn L, sinh năm 1995 (đã trưởng thành), Huỳnh Hữu Kh, sinh năm 1997 (đã trưởng thành), Huỳnh Thị Kim Ng, sinh năm 1999 (đã trưởng thành) và cháu Huỳnh Thị Huỳnh Nh, nữ, sinh ngày 22/01/2004. Nay ly hôn, các con chung đã trưởng thành bà không yêu cầu Tòa án giải quyết, riêng cháu Huỳnh Nh bà đồng ý để ông V nuôi dưỡng, bà cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Huỳnh Thanh V xin vắng mặt nhưng có trình bày tại tờ tự khai ngày 22/6/2020: ông và bà Trần Thị M sống chung vào năm 1992, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Nay ông đồng ý ly hôn với bà M. Về con chung. Ông và bà M có 05 con chung, có 04 con chung đã trưởng thành, riêng cháu Huỳnh Nh chưa trưởng thành ông đồng ý nuôi cháu Nh đến trưởng thành, yêu cầu bà M cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Tại phiên toà hôm nay: bà Trần Thị M vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày. Ông Huỳnh Thanh V xin vắng mặt.

Ý kiến của Viện kiểm sát: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Ý kiến về giải quyết vụ án: Nguyên đơn và bị đơn có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nguyên đơn và bị đơn cũng thống nhất ly hôn nên đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Về con chung: Hiện 04 con chung đã trưởng thành, riêng cháu Huỳnh Thị Huỳnh Nh, nữ, sinh ngày 22/01/2004, ông V và bà M thống nhất giao cháu Nh cho ông V nuôi dưỡng, cháu Nh cũng có nguyện vọng được sống chung với ông V, cần giao cháu Nh cho ông V nuôi dưỡng, bà M cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Về tài sản chung, nợ chung: Khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, khi nào phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng: ông Huỳnh Thanh V có yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt nên căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông Huỳnh Thanh V.

[2] Về quan hệ hôn nhân của bà Trần Thị M và ông Huỳnh Thanh V: Hai người sống chung từ năm 1992 và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật vào năm 2016 nên hôn nhân được công nhận từ năm 1992.

Về yêu cầu ly hôn của bà M đối với ông V thì nhận thấy: Theo bà M khai thì trong thời gian sống chung, bà và ông V phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông V thường có hành vi bạo hành là đánh đập bà nhiều lần gây thương tích. Phía ông V có ý kiến là đồng ý ly hôn với bà M mà không có lời trình bày nào về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng dẫn đến việc bà M xin ly hôn với ông. Tuy nhiên, qua xem xét lời trình bày của các bên thì thấy rằng cả bà M và ông V đều thể hiện ý kiến là muốn ly hôn, không mong muốn đoàn tụ. Từ đó cho thấy, giữa bà M và ông V có tồn tại mâu thuẫn, cuộc sống chung đã thực sự không còn hạnh phúc, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên yêu cầu của bà M được ly hôn với ông V là có căn cứ để xem xét, chấp nhận.

[3] Về con chung: Theo bà M và ông V cùng khai là hai người có 05 con chung, có 04 con chung là Huỳnh Hoàng Mi, sinh năm 1993, Huỳnh Văn L, sinh năm 1995, Huỳnh Hữu Kh, sinh năm 1997, Huỳnh Thị Kim Ng, sinh năm 1999 đều đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng cháu Huỳnh Thị Huỳnh Nh, nữ, sinh ngày 22/01/2004 hiện đang sống chung với ông V nên bà M đồng ý để cháu Nh cho ông V tiếp tục nuôi dưỡng đến trưởng thành, bà M cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Đối với các con chung của bà M và ông V đã trưởng thành nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết. Riêng đối với cháu Huỳnh Nh chưa trưởng thành thì ông V cũng thống nhất sẽ nuôi dưỡng cháu Nh đến trưởng thành và cháu Nh cũng có nguyện vọng được sống chung với ông V nên giao cháu Nh cho ông V nuôi dưỡng đến trưởng thành là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: ông V yêu cầu bà M cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật. Phía bà M cũng thống nhất cấp dưỡng nuôi cháu Nh

mỗi tháng 800.000đồng đến khi cháu Nh tròn 18 tuổi. Do bà M không có việc làm và thu nhập ổn định nên mức cấp dưỡng này là phù hợp nên ghi nhận.

[4] về tài sản chung, nợ chung: các đương sự khai không có nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: các đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 51, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: cho ly hôn giữa bà Trần Thị M và ông Huỳnh Thanh V.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Huỳnh Thị Huỳnh Nh, nữ, sinh ngày 22/01/2004 cho ông Huỳnh Thanh V nuôi dưỡng đến trưởng thành. Bà Trần Thị M cấp dưỡng nuôi cháu Nh mỗi tháng 800.000đồng đến khi cháu tròn 18 tuổi, thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày xét xử sơ thẩm.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho bà Trần Thị M không ai được cản trở bà M thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: các đương sự khai không có, nên không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: các đương sự khai không có, nên không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: bà Trần Thị M phải nộp 300.000đồng, chuyển tiền tạm ứng án phí bà Trần Thị M đã nộp theo biên lai số 015647 ngày 02/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ thành án phí.

Bà Trần Thị M phải nộp 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND TPCT;
- VKS huyện;
- THA huyện;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thụy Đang Phượng